



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

tôi

saya

bạn
đại từ

kamu

anh ấy

dia

cô ấy

dia

nó

ia

chúng tôi / chúng ta

kami

các bạn

kalian

họ

mereka

cái gì

apa

ai

siapa

ở đâu

di mana

tại sao

mengapa

làm sao

cái nào

lúc nào

bagaimana

yang mana

bila

sau đó

nếu

thật sự

kemudian

jika

betul-betul

nhưng

bởi vì

không

tetapi

kerana

tidak

này

Tôi cần cái này

Cái này giá bao nhiêu?

ini

Saya perlukan ini

Berapakah harga ini?

đó
vật

itu

tất cả

semua

hoặc

atau

và

dan

biết

mengetahui

Tôi biết

Saya tahu

Tôi không biết

Saya tidak tahu

nghĩ

berfikir

đến

datang

đặt

meletak

lấy

mengambil

tìm

cari

nghe

mendengar

làm việc

bekerja

nói chuyện

bercakap

cho

memberi

thích

menyukai

giúp đỡ

menolong

yêu

mencintai

gọi

menelefon

chờ đợi

menunggu

Tôi thích bạn

Saya suka awak

Tôi không thích cái này

Saya tak suka ini

Bạn có yêu tôi không?

Awak sayang saya tak?

Tôi yêu bạn

Saya sayang kamu

0

kosong

1

satu

2

dua

3

tiga

4

empat

5

lima

6

enam

7

tujuh

8

lapan

9

sembilan

10

sepuluh

11

sebelas

12

dua belas

13

tiga belas

14

empat belas

15

lima belas

16

enam belas

17

tujuh belas

18

lapan belas

19

sembilan belas

20

dua puluh

mới

baru

cũ

lama

ít

sedikit

nhiều

banyak

bao nhiêu?
đại cương

berapa banyak?

bao nhiêu?
số

berapa banyak?

sai

salah

chính xác

betul

xấu

buruk

tốt

bagus

hạnh phúc

gembira

ngắn

pendek

dài

panjang

nhỏ

kecil

lớn
to

besar

đó
địa điểm

sana

đây

sini

phải

kanan

trái

kiri

xinh đẹp

cantik

trẻ

muda

già

tua

xin chào

helo

hẹn gặp lại

jumpa awak lagi

được

ok

bảo trọng nhé

jaga diri

đừng lo

jangan risau

tất nhiên

sudah tentu

chúc ngày tốt lành

hari yang baik

chào

hai

bái bai

selamat tinggal

tạm biệt

selamat jalan

xin làm phiền

maafkan saya

xin lỗi

maaf

cảm ơn bạn

terima kasih

làm ơn

silá

Tôi muốn cái này

Saya mahu ini

bây giờ

sekarang

buổi chiều

petang

buổi sáng
9:00-11:00

pagi

ban đêm

malam

buổi sáng
6:00-9:00

awal pagi

buổi tối

petang

buổi trưa

tengah hari

nửa đêm

tengah malam

giờ

jam

phút

minit

giây

saat

ngày

hari

tuần

minggu

tháng

bulan

năm

tahun

thời gian

masa

ngày tháng

tarikh

ngày hôm kia

kelmarin

hôm qua

semalam

hôm nay

hari ini

ngày mai

esok

ngày kia

lusa

thứ hai
ngày

Isnin

thứ ba
ngày

Selasa

thứ tư
ngày

Rabu

thứ năm

Khamis

thứ sáu

Jumaat

thứ bảy

Sabtu

chủ nhật

Ahad

Ngày mai là thứ bảy

Esok hari Sabtu

cuộc đời

kehidupan

đàn bà

perempuan

đàn ông

lelaki

tình yêu

cinta

bạn trai

teman lelaki

bạn gái

teman wanita

bạn
đanh từ

kawan

hôn
danh từ

cium

tình dục

seks

trẻ em

kanak-kanak

em bé

bayi

con gái
đại cương

budak perempuan

con trai
đại cương

budak lelaki

mẹ

mak

ba

pak

má
mẹ

ibu

cha

ayah

cha mẹ

ibu bapa

con trai
gia đình

anak lelaki

con gái
gia đình

anak perempuan

em gái

adik perempuan

em trai

adik lelaki

chị gái

kakak

anh trai

abang

đứng

berdiri

ngồi

duduk

nằm xuống

baring

đóng

menutup

mở
cửa

membuka

thua

kalah

thắng

memenangi

chết

mati

sống
động từ

hidup

bật

menghidupkan

tắt

mematikan

giết

membunuh

làm bị thương

mencederakan

chạm

menyentuh

xem

menonton

uống

minum

ăn

makan

đi bộ

berjalan

gặp

berjumpa

đặt cược

mempertaruhkan

hôn
động từ

mencium

đi theo

mengikut

cưới

mengahwini

trả lời

menjawab

hỏi

menanya

câu hỏi

soalan

công ty

syarikat

kinh doanh

perniagaan

việc làm

kerja

tiền

duit

điện thoại

telefon

văn phòng

bác sĩ

bệnh viện

pejabat

doktor

hospital

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

jururawat

polis

presiden

màu trắng

màu đen

màu đỏ

putih

hitam

merah

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

màu vàng

biru

hijau

kuning

chậm

nhanh

vui vẻ

lambat

cepat

kelakar

không công bằng

công bằng

khó

tidak adil

adil

susah

dễ

Cái này khó

giàu

senang

Ini sangat susah

kaya

nghèo

khỏe

yếu

miskin

kuat

lemah

an toàn

selamat

mệt mỏi

letih

tự hào

bangga

no bụng

kenyang

bệnh

sakit

khỏe mạnh

sihat

tức giận

marah

thấp
đại cương

rendah

cao
đại cương

tinggi

thẳng

lurus

mỗi / mọi

setiap

luôn luôn

sentiasa

thực ra

sebenarnya

lần nữa

sekali lagi

đã

sudah

ít hơn

kurang

phần lớn

paling banyak

nhiều hơn

lebih

Tôi muốn nhiều hơn

Saya mahu lagi

không có

tiada

rất

sangat

động vật

haiwan

con lợn

babi

con bò

lembu

con ngựa

kuda

con chó

anjing

con cừu

biri-biri

con khỉ

monyet

con mèo

kucing

con gấu

beruang

con gà

ayam

con vịt

itik

con bướm

rama-rama

con ong

lebah

con cá

ikan

con nhện

labah-labah

con rắn

ular

ở ngoài

luar

ở trong

dalam

xa

jauh

gần

dekat

bên dưới

bawah

bên trên

atas

bên cạnh

tepi

phía trước

hadapan

phía sau

belakang

ngọt

manis

chua

masam

lạ

pelik

mềm

lembut

cứng

keras

đáng yêu

comel

ngu ngốc

bodoh

điên khùng

gila

bận rộn

sibuk

cao
người

tinggi

thấp
người

pendek

lo lắng

risau

ngạc nhiên

terkejut

ngẫu

tenang

cư xử tốt

beradab

ác độc

jahat

khéo léo

pandai

lạnh

sejuk

nóng

panas

đầu

kepala

mũi

hidung

tóc

rambut

miệng

mulut

tai

telinga

mắt

mata

bàn tay

tangan

bàn chân

kaki

tim

jantung

não

otak

kéo

menarik

đẩy

menolak

ấn

menekan

đánh

memukul

bắt

menangkap

chiến đấu

melawan

ném

membaling

chạy
động từ

berlari

đọc

membaca

viết

menulis

sửa chữa

memperbaiki

đếm

menghitung

cắt

memotong

bán

menjual

mua

membeli

trả

membayar

học

mempelajari

mơ

bermimpi

ngủ

tidur

chơi

bermain

ăn mừng

merayakan

nghỉ ngơi

berehat

thưởng thức

menikmati

dọn dẹp

membersihkan

trường học

sekolah

nhà ở

rumah

cửa

pintu

chồng

suami

vợ

isteri

đám cưới

perkahwinan

người

orang

xe hơi

kereta

nhà

rumah

thành phố

bandar

số

nombor

21

dua puluh satu

22

dua puluh dua

26

dua puluh enam

30

tiga puluh

31

tiga puluh satu

33

tiga puluh tiga

37

tiga puluh tujuh

40

empat puluh

41

empat puluh satu

44

empat puluh empat

48

empat puluh lapan

50

lima puluh

51

lima puluh satu

55

lima puluh lima

59

lima puluh sembilan

60

enam puluh

61

enam puluh satu

62

enam puluh dua

66

enam puluh enam

70

tujuh puluh

71

tujuh puluh satu

73

tujuh puluh tiga

77

tujuh puluh tujuh

80

lapan puluh

81

lapan puluh satu

84

lapan puluh empat

88

lapan puluh lapan

90

sembilan puluh

91

sembilan puluh satu

95

sembilan puluh lima

99

sembilan puluh sembilan

100

seratus

1000

seribu

10.000

sepuluh ribu

100.000

seratus ribu

1.000.000

sejuta

con chó của tôi

anjing saya

con mèo của bạn

kucing kamu

váy của cô ấy

baju dia

xe của anh ấy

kereta dia

quả bóng của nó

bola ia

nhà của chúng tôi

rumah kami

đội của bạn

kumpulan kalian

công ty của họ

syarikat mereka

mọi người

semua orang

cùng nhau

bersama

khác

không thành vấn đề

chúc mừng

lain

tidak mengapa

kampai

thư giãn đi

tôi đồng ý

chào mừng

rileks

saya setuju

selamat datang

không phải lo

phải

phải

baiklah

belok kanan

belok kiri

đi thẳng

Hãy đi với tôi

trứng

pergi terus

Ikut saya

telur

phô mai

sữa

cá

keju

susu

ikan

thịt

rau

trái cây

daging

sayur

buah

xương
món ăn

dầu

bánh mì

tulang

minyak

roti

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

gula

coklat

gula-gula

bánh bông lan

kek

đồ uống

minuman

nước

air

nước soda

soda

cà phê

kopi

trà

teh

bia

bir

rượu nho

wain

sa lát

salad

súp

sup

món tráng miệng

pencuci mulut

bữa ăn sáng

sarapan pagi

bữa trưa

makan tengah hari

bữa tối

makan malam

pizza

piza

xe buýt

bas

xe lửa

kereta api

ga xe lửa

stesen kereta api

trạm dừng xe buýt

perhentian bas

máy bay

kapal terbang

tàu

kapal

xe tải

lori

xe đạp

basikal

xe mô tô

motosikal

xe taxi

tekxi

đèn giao thông

lampu isyarat

bãi đậu xe

tempat letak kereta

đường
xe hơi

jalan

quần áo

pakaian

giày dép

kasut

áo choàng

kot

áo len

baju sejuk

áo sơ mi

baju kemeja

áo khoác

jaket

áo phục

sut

quần dài

seluar panjang

đầm

pakaian

áo phông

baju kemeja-T

bít tất

stokin

áo ngực

bra

quần lót

seluar dalam

kính

cermin mata

túi xách

beg tangan

ví tiền

beg duit

ví

dompet

nhẫn

cincin

mũ

topi

đồng hồ đeo tay

jam tangan

túi

poket

Bạn tên gì?

Apa nama awak?

Tên của tôi là David

Nama saya David

Tôi 22 tuổi

Saya berumur 22 tahun

Bạn có khoẻ không?

Apa khabar?

Bạn có ổn không?

Awak ok?

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Dimanakah tandas?

Tôi nhớ bạn

Saya rindu kamu

mùa xuân

musim bunga

mùa hè

musim panas

mùa thu

musim luruh

mùa đông

musim sejuk

tháng một

Januari

tháng hai

Februari

tháng ba

Mac

tháng tư

April

tháng năm

Mei

tháng sáu

Jun

tháng bảy

Julai

tháng tám

Ogos

tháng chín

September

tháng mười

Oktober

tháng mười một

November

tháng mười hai

Disember

mua sắm

beli-belah

hóa đơn

bil

chợ

pasar

siêu thị

pasar raya

tòa nhà

bangunan

căn hộ

pangsapuri

trường đại học

universiti

nông trại

ladang

nhà thờ

gereja

nhà hàng

restoran

quán bar

bar

phòng thể dục

gim

công viên

taman

nhà vệ sinh
đại cương

tandas

bản đồ

peta

xe cứu thương

ambulan

cảnh sát
đại cương

polis

súng

pistol

lính cứu hỏa
đại cương

bomba

quốc gia

negara

ngoại ô

pinggir bandar

ngôi làng

kampung

sức khỏe

kesihatan

dược phẩm

ubat

tai nạn

kemalangan

bệnh nhân

pesakit

phẫu thuật

pembedahan

viên thuốc

pil

sốt

demam

cảm lạnh

selesema

vết thương

kesan luka

cuộc hẹn

temujanji

ho

batuk

cổ

leher

mông

punggung

vai

bahu

đầu gối

chân

tay

lutut

kaki

lengan

bụng

ngực

lưng

perut

payudara

bahagian belakang

răng

lưỡi

môi

gigi

lidah

bibir

ngón tay

ngón chân

dạ dày

jari

jari kaki

perut

phổi

paru-paru

gan

hati

dây thần kinh

saraf

thận

buah pinggang

ruột

usus

màu sắc

warna

màu cam

oren

màu xám

kelabu

màu nâu

coklat

màu hồng

merah jambu

nhàm chán

membosankan

nặng

berat

nhẹ

cô đơn

đói bụng

ringan

kesepian

lapar

khát nước

buồn

đốc

dahaga

sedih

curam

bằng phẳng

tròn

vuông

rata

bulat

persegi

hẹp

rộng

sâu

sempit

lebar

dalam

nông

cetek

lớn
rất

sangat besar

bắc

utara

đông

timur

nam

selatan

tây

barat

bẩn

kotor

sạch sẽ

bersih

đầy

penuh

trống rỗng

kosong

đắt

mahal

rẻ

murah

tối

sáng

quyến rũ

gelap

cerah

seksi

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

malas

berani

pemurah

đẹp trai

xấu xí

ngớ ngẩn

kacak

hodoh

mengarut

thân thiện

tội lỗi

mù

mesra

bersalah

buta

say

mabuk

ướt

basah

khô

kering

ấm áp

suam

ồn ào

bising

yên tĩnh

senyap

im lặng

sepi

nhà bếp

dapur

phòng tắm

bilik mandi

phòng khách

ruang tamu

phòng ngủ

bilik tidur

vườn

taman

gara

garaj

tường

dinding

tầng hầm

bilik bawah tanah

nhà vệ sinh
nhà ở

tandas

cầu thang

tangga

mái nhà

bumbung

cửa sổ
tòa nhà

tingkap

dao

pisau

tách

cawan

ly

gelas

đĩa

pinggan

cốc

cawan

thùng rác

tong sampah

tô

mangkuk

bộ tivi

set TV

bàn
văn phòng

meja

giường

katil

gương

cermin

vòi hoa sen

bilik mandi hujan

ghế sofa

sofa

ảnh

gambar

đồng hồ

jam

bàn
nhà

meja

ghế
nhà

kerusi

hồ bơi
vườn

kolam renang

chuông

loceng

hàng xóm

jiran

thất bại

gagal

chọn

memilih

bắn

menembak

bình chọn

mengundi

rơi xuống

terjatuh

bảo vệ

mempertahankan

tấn công

menyerang

trộm

mencuri

đốt

membakar

cứu

menyelamatkan

hút thuốc

merokok

bay

menerbangkan

mang theo

membawa

khắc nhổ

meludah

đá
động từ

menendang

cắn

menggigit

thở

bernafas

ngửi

menghidu

khóc

menangis

hát

menyanyi

cười mỉm

senyum

cười

ketawa

lớn lên

membesar

co lại

mengecut

tranh luận

bertengkar

đe dọa

mengugut

chia sẻ

berkongsi

cho ăn

memberi makan

trốn

bersembunyi

cảnh báo

memberi amaran

bơi

berenang

nhảy

melompat

lăn

berguling

nâng

mengangkat

đào

menggali

sao chép

menyalin

giao hàng

menghantar

tìm kiếm

mencari

luyện tập

berlatih

đi du lịch

mengembara

vẽ

mengecat

tắm vòi sen

mandi

mở
khóa

membuka

khóa

mengunci

rửa

membasuh

cầu nguyện

berdoa

nấu ăn

memasak

sách

buku

thư viện

perpustakaan

bài tập về nhà

kerja rumah

bài thi

peperiksaan

bài học

pelajaran

khoa học

sains

lịch sử

sejarah

nghệ thuật

seni

tiếng Anh

bahasa Inggeris

tiếng Pháp

bahasa Perancis

cây bút

pen

bút chì

pensel

3%

tiga peratus

thứ nhất

pertama

thứ hai
2

kedua

thứ ba
3

ketiga

thứ tư
4

keempat

kết quả

hasil

hình vuông

segi empat sama

hình tròn

bulat

diện tích

keluasan

nguyên cứu

penyelidikan

bằng cấp

ijazah

cử nhân

sarjana muda

thạc sĩ

ijazah sarjana

$x < y$

x lebih kecil daripada y

$x > y$

x lebih besar daripada y

áp lực

stres

bảo hiểm

insurans

nhân viên
công ty

kakitangan

bộ phận

jabatan

lương

gaji

địa chỉ

alamat

lá thư

surat

thuyền trưởng

kapten

thám tử

detektif

phi công

juruterbang

giáo sư

profesor

giáo viên

guru

luật sư

peguam

thư ký

setiausaha

trợ lý

penolong

thẩm phán

hakim

giám đốc

pengarah

quản lý

pengurus

đầu bếp

tukang masak

tài xế taxi

pemandu teksi

tài xế xe buýt

pemandu bas

tội phạm

penjenayah

người mẫu

model

nghệ sĩ

artis

số điện thoại

nombor telefon

tín hiệu

isyarat

ứng dụng

aplikasi

trò chuyện

bilik sembang

tập tin

fail

url

url

địa chỉ email

alamat e-mel

trang mạng

laman sesawang

thư điện tử

e-mel

điện thoại di động

telefon bimbit

pháp luật

undang-undang

nhà tù

penjara

chứng cứ

bahan bukti

tiền phạt

denda

nhân chứng

saksi

tòa án

mahkamah

chữ ký

tandatangan

thua lỗ

rugi

lợi nhuận

untung

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

pelanggan

jumlah

kad kredit

mật khẩu

máy rút tiền

bể bơi

kata laluan

mesin duit

kolam renang

điện

máy ảnh

đài radio

kuasa

kamera

radio

quà tặng

cái chai

cái túi

hadiah

botol

beg

chìa khóa

kunci

búp bê

anak patung

thiên thần

malaikat

lược

sikat

kem đánh răng

ubat gigi

bàn chải đánh răng

berus gigi

dầu gội

syampu

kem thoa

krim

khăn giấy

tisu

son môi

gincu

truyền hình

televisyen

rạp chiếu phim

pawagam

tin tức

berita

ghế
rạp chiếu phim

tempat duduk

vé

tiket

màn chiếu

skrin

âm nhạc

muzik

sân khấu

pentas

khán giả

penonton

hội họa

lukisan

trò đùa

jenaka

bài báo

artikel

báo chí

surat khabar

tạp chí

majalah

quảng cáo

iklan

thiên nhiên

alam

tro

abu

lửa

api

kim cương

berlian

mặt trăng

bulan

Trái Đất

bumi

mặt trời

matahari

ngôi sao

bintang

hành tinh

planet

vũ trụ

alam semesta

bờ biển
biển

pantai

hồ

tasik

rừng

hutan

sa mạc

padang pasir

đôi núi

bukit

đá
danh từ

batu

con sông

sungai

thung lũng

lembah

núi

gunung

đảo

pulau

đại dương

lautan

biển

laut

thời tiết

cuaca

băng

ais

tuyết

salji

bão táp

ribut

mưa

hujan

gió

angin

thực vật

tumbuhan

cây

pokok

cỏ

rumput

hoa hồng

bunga mawar

hoa

bunga

chất khí

gas

kim loại

logam

vàng

emas

bạc

perak

Bạc rẻ hơn vàng

Perak lebih murah daripada emas

Vàng đắt hơn bạc

Emas lebih mahal daripada perak

ngày lễ

percutian

thành viên
người

ahli

khách sạn

hotel

bờ biển
cát

pantai

khách

tetamu

sinh nhật

hari jadi

Giáng sinh

Hari Natal

Năm Mới

Tahun baru

Lễ Phục sinh

Easter

chú

bapa saudara

cô

ibu saudara

bà nội

nenek

ông nội

datuk

bà ngoại

nenek

ông ngoại

datuk

tử vong

kematian

phần mộ

kubur

ly hôn

perceraian

cô dâu

pengantin perempuan

chú rể

pengantin lelaki

101

seratus satu

105

seratus lima

110

seratus sepuluh

151

seratus lima puluh satu

200

dua ratus

202

dua ratus dua

206

dua ratus enam

220

dua ratus dua puluh

262

dua ratus enam puluh dua

300

tiga ratus

303

tiga ratus tiga

307

tiga ratus tujuh

330

tiga ratus tiga puluh

373

tiga ratus tujuh puluh tiga

400

empat ratus

404

empat ratus empat

408

empat ratus lapan

440

empat ratus empat puluh

484

empat ratus lapan puluh
empat

500

lima ratus

505

lima ratus lima

509

lima ratus sembilan

550

lima ratus lima puluh

595

lima ratus sembilan puluh
lima

600

enam ratus

601

enam ratus satu

606

enam ratus enam

616

enam ratus enam belas

660

enam ratus enam puluh

700

tujuh ratus

702

tujuh ratus dua

707

tujuh ratus tujuh

727

tujuh ratus dua puluh tujuh

770

tujuh ratus tujuh puluh

800

lapan ratus

803

lapan ratus tiga

808

lapan ratus lapan

838

lapan ratus tiga puluh lapan

880

lapan ratus lapan puluh

900

sembilan ratus

904

sembilan ratus empat

909

sembilan ratus sembilan

949

sembilan ratus empat puluh
sembilan

990

sembilan ratus sembilan
puluh

con hổ

harimau

con chuột

tikus

con chuột cống

tikus besar

con thỏ

arnab

con sư tử

con lừa

con voi

singa

keldai

gajah

con chim

con gà trống choai

con chim bồ câu

burung

ayam jantan

burung merpati

con ngỗng

côn trùng

con bọ

angsa

serangga

pepijat

con muỗi

con ruồi

con kiến

nyamuk

lalat

semut

con cá voi

con cá mập

con cá heo

ikan paus

ikan yu

lumba-lumba

con ốc sên

con ếch

thường xuyên

siput

katak

selalu

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

segera

tiba-tiba

walaupun

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

gimnastik

tenis

berlari

đạp xe

berbasikal

đánh golf

golf

trượt băng

luncur ais

bóng đá

bola sepak

bóng rổ

bola keranjang

bơi lội

renang

lặn

menyelam

đi bộ đường dài

mendaki

Vương quốc Anh

United Kingdom

Tây Ban Nha

Sepanyol

Thụy sĩ

Switzerland

Ý

Itali

Pháp

Perancis

Đức

Jerman

Thái Lan

Thailand

Singapore

Singapura

Nga

Rusia

Nhật Bản

Jepun

Israel

Israel

Ấn Độ

India

Trung Quốc

China

Hoa Kỳ

Amerika Syarikat

Mexico

Mexico

Canada

Kanada

Chile

Brazil

Argentina

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Afrika Selatan

Nigeria

Maghribi

Libya

Kenya

Algeria

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Mesir

New Zealand

Australia

Châu Phi

Afrika

Châu Âu

Eropah

Châu Á

Asia

Châu Mỹ

Amerika

mười lăm phút

suku jam

nửa tiếng

setengah jam

bốn mươi lăm phút

tiga suku jam

1:00

pukul satu

2:05

pukul dua lima minit

3:10

pukul tiga sepuluh minit

4:15

pukul empat suku

5:20

pukul lima dua puluh minit

6:25

pukul enam dua puluh lima
minit

7:30

pukul tujuh setengah

8:35

pukul lapan tiga puluh lima
minit

9:40

pukul sembilan empat puluh
minit

10:45

pukul sepuluh empat puluh
lima minit

11:50

pukul sebelas lima puluh
minit

12:55

pukul dua belas lima puluh
lima minit

một giờ sáng

pukul satu pagi

hai giờ chiều

pukul dua petang

tuần trước

minggu lepas

tuần này

minggu ini

tuần sau

minggu depan

năm ngoái

năm nay

năm sau

tahun lepas

tahun ini

tahun depan

tháng trước

tháng này

tháng sau

bulan lepas

bulan ini

bulan depan

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

satu Januari dua ribu empat
belas

dua puluh lima Februari dua
ribu tiga

dua belas April sembilan
belas lapan puluh lapan

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

tiga belas Oktober lapan
belas sembilan puluh
sembilan

tiga puluh September
sembilan belas kosong tujuh

dua belas Disember dua ribu

trán

dahi

nếp nhăn

kedut

cằm

dagu

má
cơ thể

pipi

râu

janggut

lông mi

bulu mata

lông mày

bulu kening

eo

pinggang

gáy

tengkuk

lồng ngực

dada

ngón cái

ibu jari

ngón tay út

jari kelingking

ngón tay đeo nhẫn

jari manis

ngón tay giữa

jari tengah

ngón tay trỏ

jari telunjuk

cổ tay

pergelangan tangan

móng tay

kuku

gót chân

tumit

xương sống

tulang belakang

cơ bắp

otot

xương
cơ thể

tulang

bộ xương

rangka

xương sườn

tulang rusuk

đốt sống

tulang vertebra

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

pundi kencing

vena

arteri

âm đạo

tinh trùng

dương vật

faraj

sperma

zakar

tinh hoàn

mọng nước

cay

buah zakar

berair

pedas

mặn

sống
tính từ

lộc

masin

mentah

mendidih

nhút nhát

tham lam

ngghiêm khắc

malu

tamak

tegas

điéc

pekak